

Số: 2066/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 19 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch năm 2020 cho

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XUÂN THỦY

Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 90

Ngày: 23 tháng 8 năm 2020

Chuyên: Căn cứ Luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính và các chế độ tài chính, kế toán hiện hành;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh Nam Định quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định; Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1965/TTr-SNN ngày 11/8/2020, Sở Tài chính tại Tờ trình số 580/TTr-STC ngày 11/8/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 cho Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch năm 2020 cho Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy, với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước	Ha	49.625,30
1	Diện tích lúa	ha	26.142,98
2	Diện tích mạ màu cây công nghiệp, cây vụ đông	ha	10.543,04
3	Diện tích thủy sản	ha	4.651,73
4	Muối	ha	439,11
5	Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	ha	
6	Diện tích tiêu, thoát nước khu vực NT và ĐT trừ vùng nội thị	ha	7.848,44
II	Kế hoạch doanh thu	1000đ	55.056.262
A	Doanh thu hoạt động khai thác CTTL	1000đ	55.056.262
1	Doanh thu từ dịch vụ tưới nước, tiêu nước và cấp nước	1000đ	54.451.262
2	Doanh thu kinh doanh khai thác tổng hợp CTTL	1000đ	
3	Thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi, cho vay,...)	1000đ	600.000
4	Doanh thu từ chống hạn, bổ sung TLP năm trước	1000đ	
5	Doanh thu khác	1000đ	5.000
B	Thu hoạt động sản xuất KD phụ	1000đ	
III	Kế hoạch tổng chi	1000 đ	54.456.263
A	Chi sản xuất chính	1000 đ	54.456.263
1	Chi hoạt động khai thác CTTL.	1000 đ	54.456.263
	Trong đó: Chi sửa chữa thường xuyên CTTL	1000 đ	21.199.354
2	Chi hoạt động KD khai thác tổng hợp	1000 đ	
3	Chi hoạt động tài chính	1000 đ	
4	Chi khác	1000 đ	
B	Chi hoạt động SXKD phụ	1000 đ	
IV	Cân đối thu chi	1000đ	600.000
1	Lãi, lỗ hoạt động sản xuất chính	1000đ	600.000
2	Lãi, lỗ hoạt động sản xuất phụ	1000đ	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
V	Chi đầu tư, s.chữa lớn từ NKH, HTNS, CH	1000đ	3.638.000
1	Chi đầu tư, sửa chữa lớn từ nguồn KH	1000đ	3.638.000
2	Chi đầu tư từ nguồn htrợ NS	1000đ	
VI	Kế hoạch ngân sách hỗ trợ	1000đ	54.451.262
1	Hỗ trợ giá dịch vụ thủy lợi	1000đ	54.451.262
2	Hỗ trợ giá dịch vụ thủy lợi thiếu năm trước	1000đ	
3	Đề nghị NS cấp đầu tư XDCB các dự án	1000đ	
VII	Kế hoạch ngân sách	1000đ	260.000
1	Nộp tiền thuê đất	1000đ	40.000
2	Nộp thuế GTGT	1000đ	
3	Nộp khác (thuế TNDN, môn bài)	1000đ	220.000
VIII	Kế hoạch lao động tiền lương		
1	Số lao động	người	198
2	Quỹ tiền lương (không bao gồm tiền ăn ca và KSV)	1000đ	17.037.438

Điều 2. Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện kế hoạch năm 2020 theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự